

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH VINH LONG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 110; VLAT- 1.0268)

Địa chỉ: Số 339, Khóm Tân Xuân, Phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long.
Tel: 02703.822531 - Fax: 02703.825369

Số: 183/KQKN.2026
Ngày: 06/7/2026
Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng/đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH TÂN (TRẠM CẤP NƯỚC TÂN QUỚI 1)**
- Địa chỉ: Số 1213, tổ 3, Khóm Tân Vinh, Xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long
- Tên mẫu/kí hiệu mẫu: Nước thải đầu vào/M9 (Số HD 35/HĐ-DVKT.2026).
- Toạ độ thu mẫu:
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa khoảng 04 lít, chai thủy tinh, bảo quản lạnh và đo hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 11h30' ngày 08/6/2026 - Ngày nhận mẫu: 08/6/2026
- Ngày phân tích mẫu: 08/6/2026-04/7/2026 - Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒ Đến: 13/7/2026
- Địa điểm thử nghiệm: Số 339, khóm Tân Xuân, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long
- Tài liệu kèm theo: Biên bản quan trắc hiện trường ☒ Phiếu yêu cầu và nhận thử nghiệm ☐

KẾT QUẢ

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^{(#)(a)}	-	TCVN 6492:2011	7,41 (tại 28,2°C)
2	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	<0,02
3	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	<0,07
4	Hàm lượng tổng Nitơ ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<2
5	Coliforms ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,7 x10 ³
6	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	11,7
7	Hàm lượng COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18,18
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	29,0
9	Độ màu ^(*)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (MDL = 4,0)

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KIỂM NGHIỆM

Trần Thị Thu Thủy

GIÁM ĐỐC



Phan Quốc Trọng

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị đối với mẫu thử và đo vào thời gian trên.
- Không được sao chép lại một phần Phiếu kết quả này (trừ khi dưới dạng đầy đủ, toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Ứng Dụng Khoa Học Công Nghệ tỉnh Vĩnh Long.
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam; SMEWW: Các phương pháp phân tích nước và nước thải; KHP/MDL: Không phát hiện/Giới hạn phát hiện; ^(#): Đo tại hiện trường; ^(a) Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS; ^(b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0268; ^(*) Nhà thầu phụ.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH VĨNH LONG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 110; VLAT- 1.0268)

Địa chỉ: Số 339, Khóm Tân Xuân, Phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long.
Tel: 02703.822531 - Fax: 02703.825369

Số: 184/KQKN.2026
Ngày: 06/7/2026
Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng/đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH TÂN (TRẠM CẤP NƯỚC TÂN QUỚI 1)**
- Địa chỉ: Số 1213, tổ 3, Khóm Tân Vinh, Xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long
- Tên mẫu/kí hiệu mẫu: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải/ M10
(Số HĐ 35/HĐ-DVKT.2026).
- Toạ độ thu mẫu: X=1116485, Y=528692
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa khoảng 04 lít, chai thủy tinh, bảo quản lạnh và đo hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 11h30' ngày 08/6/2026 - Ngày nhận mẫu: 08/6/2026
- Ngày phân tích mẫu: 08/6/2026-04/7/2026 - Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒ Đến: 13/7/2026
- Địa điểm thử nghiệm: Số 339, khóm Tân Xuân, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long
- Tài liệu kèm theo: Biên bản quan trắc hiện trường ☒ Phiếu yêu cầu và nhận thử nghiệm ☐

KẾT QUẢ

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^{(#)(a)}	-	TCVN 6492:2011	7,31 (tại 28,2°C)
2	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	<0,02
3	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	<0,07
4	Hàm lượng tổng Nito ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<2
5	Coliforms ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5x10 ⁴
6	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	11,55
7	Hàm lượng COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19,15
8	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,0
9	Độ màu ^(*)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (MDL = 4,0)

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KIỂM NGHIỆM

Trần Thị Thu Thủy

GIÁM ĐỐC



Phan Quốc Trọng

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị đối với mẫu thử và đo vào thời gian trên.
- Không được sao chép lại một phần Phiếu kết quả này (trừ khi dưới dạng đầy đủ, toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Ứng Dụng Khoa Học Công Nghệ tỉnh Vĩnh Long.
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam; SMEWW: Các phương pháp phân tích nước và nước thải; KHP/MDL: Không phát hiện/Giới hạn phát hiện; ^(#): Đo tại hiện trường; ^(a) Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS; ^(b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0268; ^(*) Nhà thầu phụ.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH VINH LONG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 110; VLAT- 1.0268)

Địa chỉ: Số 339, Khóm Tân Xuân, Phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long.
Tel: 02703.822531 - Fax: 02703.825369

Số: 185/KQKN.2026
Ngày: 06/7/2026
Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng/đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH TÂN (TRẠM CẤP NƯỚC TÂN QUỚI 1)**
- Địa chỉ: Số 1213, tổ 3, Khóm Tân Vinh, Xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long
- Tên mẫu/kí hiệu mẫu: Nước mặt nguồn tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào sông Trà Môn/ M11 (Số HĐ 35/HĐ-DVKT.2026).
- Toạ độ thu mẫu:
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa khoảng 04 lít, chai thủy tinh, bảo quản lạnh và đo hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 11h30' ngày 08/6/2026 - Ngày nhận mẫu: 08/6/2026
- Ngày phân tích mẫu: 08/6/2026-04/7/2026 - Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒ Đến: 13/7/2026
- Địa điểm thử nghiệm: Số 339, khóm Tân Xuân, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long
- Tài liệu kèm theo: Biên bản quan trắc hiện trường ☒ Phiếu yêu cầu và nhận thử nghiệm ☐

KẾT QUẢ

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^{(#)(a)}	-	TCVN 6492:2011	7,01 (tại 27,9°C)
2	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	<0,02
3	Coliforms ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,6x10 ⁴
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	11,55
5	Hàm lượng COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17,14
6	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	12,6
7	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	<0,07
8	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,52

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KIỂM NGHIỆM

Trần Thị Thu Thủy

GIÁM ĐỐC



Phan Quốc Trọng

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị đối với mẫu thử và đo vào thời gian trên.
- Không được sao chép lại một phần Phiếu kết quả này (trừ khi dưới dạng đầy đủ, toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Ứng Dụng Khoa Học Công Nghệ tỉnh Vĩnh Long.
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam; SMEWW: Các phương pháp phân tích nước và nước thải; KHP/MDL: Không phát hiện/Giới hạn phát hiện; ^(#): Đo tại hiện trường; ^(a): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS; ^(b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0268; ^(*): Nhà thầu phụ.